

**ĐỀ ÁN**

**tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức Khối Đảng,  
Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng**

-----

**Phần thứ I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Đặc điểm, tình hình**

Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, với diện tích tự nhiên 9.764,79 km, dân số khoảng 1.551 triệu người và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính, trong đó có 02 thành phố và 10 huyện với 142 xã, phường, thị trấn. Có 16 đảng bộ cấp trên cơ sở và 02 đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy, trong đó có 777 tổ chức cơ sở Đảng với 47.512 đảng viên. Toàn tỉnh có 30.523 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó: Khối nhà nước 29.321 người; Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng: 1005/1.202 người.

**2. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Là địa bàn phát triển năng động về kinh tế - xã hội, nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới và hội nhập quốc tế để phát triển và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Trong đó, có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Chính vì vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng đã thường xuyên quan tâm, kiện toàn và từng bước xây dựng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh ngày càng tiến bộ về mọi mặt để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, được đào tạo về lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ trong quá trình công tác. Đến nay, một số cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đảm nhận công việc ở vị trí việc làm theo yêu cầu ngạch công chức, viên chức cao hơn và được quy hoạch giữ chức danh lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, vẫn chưa được bổ nhiệm vào ngạch phù hợp. Bên cạnh đó còn một số cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Do đó, việc thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc tham mưu hoạch định các chính sách, hiện thực hóa các mục tiêu về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh; từng bước ổn định về cơ cấu ngạch công chức theo khung danh mục vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt, đồng thời đáp ứng được một số tiêu chuẩn để thực hiện việc điều động, luân chuyển, bố trí công tác cán bộ.

Để đáp ứng yêu cầu nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng ***“Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng”*** nhằm lựa chọn được những cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác để bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, giảng viên hạng II, phóng viên hạng II,... bảo đảm phù hợp với Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
- Luật Viên chức năm 2010.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (*viết tắt là Nghị định số 138/2020/NĐ-CP*).
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (*viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).
- Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (*viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT- BNV*); Thông tư số 01/2018/TT-BNV, ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
- Thông tư số 11/2014/TT-BNV, ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (*viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT- BNV*).
- Thông tư số 05/2017/TT-BNV, ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT - BNV, ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT - BNV, ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch

công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT- BNV*).

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (*viết tắt là Thông tư số 02/2021/TT- BNV*).

- Thông tư số 03/2021/TT-BTTTT, ngày 25/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông “quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông” (*viết tắt là Thông tư số 03/2021/TT-BTTTT*); Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV, ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ “quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông”.

- Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT, ngày 10/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập” (*viết tắt là Thông tư số 31/2021/TT- BGDĐT*).

- Đề án vị trí việc làm của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

### **III. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

#### **1. Về số lượng, cơ cấu ngạch công chức, viên chức hiện có của Khối Đảng, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng**

- Tổng số cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện: 28 cơ quan, đơn vị, gồm:

- + Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 06.
- + Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 06.
- + Huyện ủy, thành ủy: 12.
- + Đảng ủy (Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp): 02.
- + Đơn vị sự nghiệp (Báo Lâm Đồng, Trường Chính trị tỉnh): 02.

- Tổng số biên chế cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là 1.005/1.202 người, trong đó:

- + Đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: 07 người, đạt 0,58%.
- + Đang giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 241 người, đạt 20,05%.

+ Đang giữ ngạch chuyên viên và tương đương: 620 người, chiếm 21,63%.

+ Đang giữ ngạch cán sự, nhân viên, khác: 137 người, chiếm 11,40%.

## **2. Số lượng công chức, viên chức tương ứng với ngạch dự thi còn thiếu so với yêu cầu vị trí việc làm**

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Thông tư số 05/2013/TT-BNV, ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV, ngày 18/12/2012; Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 và Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thì số lượng công chức, viên chức tương ứng với ngạch dự thi còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm, cụ thể:

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hiện có **07/36**, ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương còn thiếu **29** người.

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương hiện có **241/447**, ngạch chuyên viên chính và tương đương còn thiếu **206** người.

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương hiện có **620/532**, nhiều hơn so với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt **108** người (Mặc dù số lượng chuyên viên nhiều hơn so với Đề án vị trí việc làm của các đơn vị đã phê duyệt, nhưng vẫn đưa vào Đề án tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên vì những lý do: Trong số **108** người nhiều hơn này, bao gồm những người sắp nghỉ hưu, chuẩn bị thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, đặc biệt trong đó có một số đơn vị còn thiếu công chức giữ ngạch chuyên viên so với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt).

## **3. Về số lượng công chức, viên chức đăng ký nhu cầu dự thi nâng ngạch, xét thăng hạng**

Qua rà soát số lượng cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2022 là: **144** trường hợp, trong đó:

- Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) lên ngạch chuyên viên cao cấp (tương đương): **06** trường hợp.

- Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên (tương đương) lên ngạch chuyên viên chính (tương đương): **107** trường hợp.

- Thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên (tương đương): **11** trường hợp.

- Xét thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I: **02** trường hợp.

- Xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II: **18** trường hợp (*ngạch giảng viên hạng II: 10, ngạch phóng viên, biên tập viên hạng II: 05, ngạch chuyên viên chính: 03*).

## **Phần thứ II**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **Chương 1**

### **THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC**

Căn cứ vào Đề án vị trí việc làm và nhu cầu thực tế trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy khối các cơ quan, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh (*gọi tắt là các địa phương, cơ quan*) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt đề cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch công chức như sau:

#### **I. THI NÂNG NGẠCH TỪ CHUYÊN VIÊN CHÍNH (TƯƠNG ĐƯƠNG) LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CAO CẤP (TƯƠNG ĐƯƠNG)**

Cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính và tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương thực hiện theo Kế hoạch của Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

#### **II. THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH**

Cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính phải đảm bảo: Vị trí việc làm và tỷ lệ cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính của địa phương, cơ quan theo Đề án vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt và đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV, ngày 09/10/2014 và Thông tư số 05/2017/TT-BNV, ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ.

##### **1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính**

###### **1.1. Đối tượng dự thi:**

Đối tượng dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên (mã ngạch 01.003) lên ngạch chuyên viên chính (mã ngạch 01.002), bao gồm:

a) Cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đang giữ ngạch chuyên viên (01.003).

b) Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương.

c) Cán bộ, công chức thuộc hai nhóm đối tượng trên (nhóm a, b điểm 1.1 này) được điều động, luân chuyển giữ các chức danh bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

Đối với cán bộ công tác tại Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương thực hiện theo Đề án hoặc Kế hoạch thi nâng ngạch của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

## **1.2. Tiêu chuẩn dự thi:**

Cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

*a) Tiêu chuẩn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:*

- Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo Khoản 3, Điều 6, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác và theo vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt đối với địa phương, cơ quan.

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên của cơ quan có thẩm quyền cấp; có bằng cử nhân chính trị do hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoặc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trước đây cấp, được xác định là bằng chuyên môn và vận dụng đủ tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị.

- *Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước:* Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính, hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sỹ quản lý hành chính công trở lên.

- *Về tham gia biên soạn văn bản, nghiên cứu khoa học:* Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, thông qua, cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

+ Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo, thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị quyết, quy định, quy chế, ... của cấp ủy cấp huyện trở lên.

+ Trường hợp nếu có giấy xác nhận của cấp ủy, cơ quan có thẩm quyền xác nhận cán bộ, công chức chủ trì hoặc có tham gia xây dựng nghị quyết, quy định, quy chế, đề án, ... do Hội đồng thi tuyển xem xét, quyết định.

*b) Thời gian giữ ngạch chuyên viên (tương đương):*

Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ **09** năm (108 tháng) trở lên (*không kể thời gian tập sự, thử việc*), trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

**1.3. Điều kiện dự thi:**

Người dự thi nâng ngạch phải có đủ các điều kiện sau:

a) Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức có nhu cầu về vị trí việc làm của ngạch chuyên viên chính.

b) Được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2021; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên chính.

d) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên chính.

**1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi:**

Tại thời điểm nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các văn bản sau:

a) Công văn cử cán bộ, công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b) Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TC/TW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c) Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức năm trước năm tổ chức thi và xác nhận công chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

đ) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp cán bộ, công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch chuyên viên chính thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

e) Bản sao các quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn, biên bản nghiệm thu hoặc văn bản thể hiện,... của cơ quan có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài, tên văn bản,...

f) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên viên (ngạch 01.003); Bản sao quyết định xếp lương đầu tiên ở trình độ đại học; Bản sao Quyết định lương hiện hưởng và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc bổ nhiệm ngạch tương đương với ngạch chuyên viên.

g) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

## **2. Chỉ tiêu đăng ký dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính**

- Tổng số cán bộ, công chức có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính: **107** trường hợp.

- Chỉ tiêu đề nghị nâng ngạch lên chuyên viên chính: **50** chỉ tiêu (*Việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu nâng ngạch do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

(*Có biểu nhu cầu nâng ngạch công chức kèm theo*).

## **3. Môn thi, hình thức và thời gian thi**

Cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính phải thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

### **3.1. Thi vòng 1:** Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 02 phần:

- Phần I: Môn kiến thức chung: Nội dung thi gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. *Thời gian thi 60 phút.*

- Phần II: Môn ngoại ngữ 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc ở trình độ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính (tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). *Thời gian thi 30 phút.*

b) Miễn phần thi môn Ngoại ngữ (Vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do các trường ở nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.



c) Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi: Nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được dự thi tiếp Vòng 2 (nếu kết quả có 01 trong 02 phần thi ở Vòng 1 không đảm bảo tối thiểu đạt 50% số câu hỏi đúng, thí sinh sẽ không được dự thi Vòng 2), trừ các trường hợp miễn thi.

*\* Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.*

### **3.2. Thi vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:**

- Hình thức thi: Thi viết với thang điểm 100.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.

- Thời gian thi: 180 phút.

### **4. Xác định người trúng tuyển**

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao (*không tính điểm thi Vòng 1*).

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự tuyển là nữ, người dự tuyển là người dân tộc thiểu số, người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

## **III. THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CÁN SỰ (TƯƠNG ĐƯƠNG) LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN**

### **1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ dự thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên**

#### **1.1. Đối tượng dự thi:**

Đối tượng dự thi nâng ngạch từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên bao gồm: Công chức được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc ngạch tương đương hiện đang công tác tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh.

#### **1.2. Tiêu chuẩn dự thi:**

a) *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên phải có thời gian giữ ngạch cán sự hoặc tương đương từ đủ 03 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương thì phải có thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (12 tháng), tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

*b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

- Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, quản lý hành chính công trở lên.

**1.3. Điều kiện dự thi:**

a) Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước của năm đăng ký dự thi; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên.

**1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi:**

Tại thời điểm nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các nội dung sau:

a) Công văn cử cán bộ, công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b) Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TCWTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c) Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức năm trước của năm đăng ký thi và xác nhận công chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp cán bộ,

công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch chuyên viên thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

f) Bản sao các quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn, biên bản nghiệm thu hoặc văn bản thể hiện... của cơ quan có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài, tên văn bản...

g) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch cán sự (tương đương) và xếp lương lần đầu tiên (ngạch 01.004); Bản sao Quyết định lương đang hưởng của cơ quan có thẩm quyền.

h) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

## **2. Môn thi, hình thức và thời gian thi**

Cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên phải thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

### **2.1. Thi vòng 1:** Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 02 phần:

- Phần I: Môn kiến thức chung: Nội dung thi gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức ... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. *Thời gian thi 60 phút.*

- Phần II: Môn ngoại ngữ 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc ở trình độ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính (tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). *Thời gian thi 30 phút.*

b) Miễn phần thi môn Ngoại ngữ (Vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do các trường ở nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

c) Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi: Nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được dự thi tiếp Vòng 2 (nếu kết quả có 01 trong 02 phần thi ở Vòng 1 không đảm bảo tối thiểu đạt 50% số câu hỏi đúng, thí sinh sẽ không được dự thi Vòng 2), trừ các trường hợp miễn thi.

*\* Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.*

## **2.2. Thi vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:**

- Hình thức thi: Thi viết với thang điểm 100.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.

- Thời gian thi: 120 phút.

## **3. Xác định người trúng tuyển**

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao (không tính điểm thi Vòng 1).

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự tuyển là nữ, người dự tuyển là người dân tộc thiểu số, người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

## **4. Chỉ tiêu đăng ký dự thi nâng ngạch từ cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên**

- Tổng số cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: **11** trường hợp.

- Chỉ tiêu đề nghị nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: **06** chỉ tiêu (*việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu nâng ngạch do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

*(Có biểu nhu cầu nâng ngạch công chức kèm theo).*

## **IV. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THI, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC KỲ THI**

### **1. Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính**

*a) Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính:*

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện Thường trực Tỉnh ủy.

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Các thành viên: Đại diện một số Ban của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và một số đơn vị liên quan.

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

*b) Thời gian, địa điểm tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên chính:*

- Thời gian: Dự kiến tổ chức thi cuối tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, các công tác khác kết thúc trước ngày 30/9/2022.

- Địa điểm: Dự kiến tại Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt.

## **2. Thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên:**

*a) Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên:*

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Phó trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Các thành viên: Đại diện một số ban của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và đơn vị liên quan.

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

*b) Thời gian, địa điểm tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên:*

- Thời gian: Dự kiến cuối tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, các công tác khác kết thúc trước ngày 30/9/2022.

- Địa điểm: Dự kiến tại Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt.

**3. Trường hợp thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và từ ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên được tổ chức chung thì Hội đồng thi là Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính.**

## **Chương II**

### **XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC**

#### **I. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC**

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt; thực hiện theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ “quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức”; Thông tư số 01/2018/TT-BNV, ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ và Chỉ tiêu đăng ký xét thăng hạng viên chức:

**1. Tổng số viên chức đăng ký nhu cầu xét thăng hạng viên chức: 18 trường hợp.**

**2. Chỉ tiêu đề nghị xét thăng hạng viên chức: 08 chỉ tiêu** (việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu nâng ngạch do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét thăng hạng và Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

*(Có biểu nhu cầu nâng ngạch viên chức kèm theo).*

#### **II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II**

**1. Đối tượng:** Viên chức hiện đang công tác, làm việc các đơn vị sự nghiệp của Đảng: Báo Lâm Đồng, Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng.

**2. Điều kiện, tiêu chuẩn:** Viên chức dự xét thăng hạng cần đảm bảo đúng tiêu chuẩn, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định của Luật Viên chức; các văn bản hướng dẫn đối với từng chức danh viên chức.

**2.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02:** Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.
- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) hoặc tương đương từ đủ **09** năm trở lên đối với người có bằng thạc sỹ và 06 năm trở lên đối với người có bằng tiến sỹ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) gần nhất giữ ngạch giảng viên hạng III, mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II.
- Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức.
- Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh giảng viên chính (hạng II).
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (có trình độ ngoại ngữ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).
- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị trở lên.
- Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên.
- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN.
- Tác giả của 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã chuẩn quốc tế ISSN.

**2.2. Đối với viên chức đang công tác tại các vị trí việc làm: Bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch - tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của các đơn vị sự nghiệp,** đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo

phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số.
- Có thời gian giữ ngạch chuyên viên (01.003) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó tối thiểu phải đủ 01 năm (12 tháng) gần nhất giữ ngạch chuyên viên, tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ dự xét.
- Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương, đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà đơn vị sử dụng viên chức được giao chủ trì, nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt kết quả trở lên.

**2.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05):** Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau (theo Thông tư số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV):

- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành báo chí trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác chuyên ngành báo chí thì phải qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí từ 08 tuần trở lên.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.
- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Phóng viên hạng II.
- Đã chủ trì ít nhất 02 (hai) tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành thừa nhận hoặc đạt giải thưởng; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành (cấp Bộ hoặc tương đương).
- Có thời gian giữ chức danh phóng viên hạng III (V.01.02.06) và tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó có ít nhất 03 (ba) năm gần nhất giữ chức danh phóng viên hạng III.

**2.4. Đối với chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02):** Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau (theo Thông tư số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV):

- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành báo chí, xuất bản trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác chuyên ngành báo chí, xuất bản thì phải qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản từ 08 tuần trở lên.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Biên tập viên hạng II.

- Đã chủ trì biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành thừa nhận hoặc đạt giải thưởng; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành (cấp Bộ hoặc tương đương).

- Có thời gian giữ chức danh biên tập viên hạng III (V.01.02.06) và tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó có ít nhất 03 (ba) năm gần nhất giữ chức danh biên tập viên hạng III.

### **3. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng**

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức năm 2022 được thống nhất thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012) gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng.

- Công văn của cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền xét thăng hạng.

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm 2021.

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo điều kiện, tiêu chuẩn của hạng đăng ký xét (có chứng thực).

- Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch lương ở trình độ đại học lần đầu tiên.

- Bản sao quyết định bổ nhiệm hạng (ngạch) viên chức hiện tại.

- Bản sao quyết định lương đang hưởng của hai bậc lương gần nhất.

- Bản sao các Quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn...; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài của cơ quan có thẩm quyền; Tác phẩm, giải thưởng, chuyên đề, công trình lý luận (cấp bộ, cấp tỉnh)...

*(Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức đựng trong bì riêng kích thước 250 x 340 x 5 mm, theo quy định tại Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).*

### **4. Nội dung, hình thức xét thăng hạng và xác định người trung tuyển**

#### **4.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02:**

##### **a) Nội dung xét thăng hạng:**

Nội dung xét thăng hạng bao gồm thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2, mục 2, phần II của Đề án; trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện như sau:



- Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính điểm quy đổi (chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Đề án này) gồm:

+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

+ Bài báo khoa học.

+ Sách phục vụ đào tạo: Sách chuyên khảo, sách giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn.

+ Kết quả hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sỹ; hướng dẫn học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa.

+ Công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng quốc gia, quốc tế.

- Mỗi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy đổi phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đang giảng dạy của viên chức, phù hợp với vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhiệm.

- Bài báo khoa học, sách phục vụ đào tạo đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.

- Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia, kể cả tác giả chính; trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người

#### *b) Hình thức xét thăng hạng:*

Hình thức xét thăng hạng bao gồm việc xét hồ sơ theo mục 3, phần II của Đề án và Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; thẩm định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2, mục 2, phần II của Đề án; trong đó, có tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và được thực hiện qua 02 (hai) bước như sau:

- *Bước 1:* Xét hồ sơ và thẩm định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung xét thăng hạng quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2, mục 2, phần II của Đề án.

- *Bước 2:* Tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức dự xét đã đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng ở Bước 1 và thực hiện tính điểm quy đổi chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Đề án.

**4.2. Đối với chuyên viên chính, mã số 01.002:** Thực hiện thi nâng ngạch chung với thi nâng ngạch công chức.

**4.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05) và chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02):**

*a) Nội dung xét thăng hạng:*

Xem xét hồ sơ, thẩm định, kiểm tra, sát hạch việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại điểm 2.3, điểm 2.4 mục 2 và mục 3 phần II của Đề án.

*b) Hình thức xét thăng hạng:*

- **Vòng 1:** Thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng theo quy định tại điểm 2.3, điểm 2.4, mục 2 và mục 3 phần II của Đề án. Nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì người dự xét được tham dự Vòng 2.

- **Vòng 2:** Kiểm tra, sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành. Điểm thi phỏng vấn hoặc thực hành của mỗi bài kiểm tra, sát hạch được chấm theo thang điểm 100. Nội dung và hình thức kiểm tra, sát hạch cụ thể do Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xem xét, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy thống nhất trước khi thực hiện.

**5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức**

**5.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02:**

- Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại ý 2.1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, phần II, Mục 2 Đề án này, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 3,5 (ba phẩy năm) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

- Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên có điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Viên chức là nữ, người dân tộc thiểu số, viên chức có thời gian công tác nhiều hơn, nhiều tuổi hơn.

- Trường hợp vẫn không xác định được viên chức thăng hạng theo thứ tự ưu tiên trên thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

**5.2. Đối với chuyên viên chính, mã số 01.002:** Thực hiện như thi nâng ngạch chuyên viên chính nhưng chỉ tiêu thực hiện theo chỉ tiêu của viên chức đã được phân bổ.

**5.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05) và chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02):**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông là viên chức có tất cả các bài kiểm tra, sát hạch ở vòng 2 (chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học) đạt từ 50/100

điểm trở lên lấy theo thứ tự tổng điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng điểm kiểm tra, sát hạch bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- + Viên chức có thành tích khen thưởng cao hơn.
- + Viên chức có kết quả kiểm tra, sát hạch chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn;
- + Viên chức là người dân tộc thiểu số.
- + Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh),
- + Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.
- + Viên chức có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hiện tại lâu hơn.

Trường hợp vẫn không xác định được thì Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thảo luận và quyết định theo đa số.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

### **III. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC**

#### **1. Hội đồng xét thăng hạng viên chức**

Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng: Đại diện Thường trực Tỉnh ủy.
- + Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Trưởng Ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
- + Phó chủ tịch Hội đồng: Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy phụ trách công tác chính sách đào tạo.
- + Các ủy viên: Đại diện một số ban của Tỉnh ủy và đơn vị có liên quan.
- + Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

#### **2. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng.**

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Dự kiến tổ chức xét trong tháng 10/2022, các công tác khác kết thúc trước ngày 30/11/2022.
- Địa điểm tổ chức xét thăng hạng: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng.

### **Chương III**

### **KINH PHÍ PHỤC VỤ THI NÂNG NGẠCH, XÉT THĂNG HẠNG**

**1.** Phí dự thi nâng ngạch do thí sinh nộp theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

**2.** Ngân sách tỉnh bổ sung từ dự toán kinh phí thi tuyển, thi nâng ngạch công và xét thăng hạng viên chức chức năm 2022 (trong trường hợp phí dự thi nâng

ngạch do thí sinh nộp không đủ trang trải các chi phí phục vụ công tác tổ chức thi nâng ngạch và xét thăng hạng viên chức).

**3.** Việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.

### **Phần thứ III**

## **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Kính đề nghị Ban Tổ chức Trung ương thống nhất và phê duyệt các nội dung của Đề án và phân bổ chỉ tiêu trúng tuyển như sau:

- Đối với công chức: **56** chỉ tiêu, trong đó:
  - + Chuyên viên chính: 50 chỉ tiêu.
  - + Chuyên viên: 06 chỉ tiêu.
- Đối với viên chức: **08** chỉ tiêu, trong đó:
  - + Chuyên viên chính và Giảng viên chính (hạng II): 06 chỉ tiêu.
  - + Phóng viên chính và biên tập viên chính (hạng II): 02 chỉ tiêu.

### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Các địa phương, cơ quan, đơn vị:** Triển khai thực hiện kịp thời Đề án này đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; đồng thời xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch, xét thăng hạng theo đúng quy định.

#### **2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

- Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy thành lập Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính, Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên (*gọi tắt là Hội đồng thi nâng ngạch*), Hội đồng xét thăng hạng viên chức hạng II (*gọi tắt là Hội đồng xét thăng hạng*) và Ban Giám sát kỳ thi; đồng thời, tham mưu cho Hội đồng thi nâng ngạch quyết định thành lập các ban, tổ giúp việc của Hội đồng thi nâng ngạch năm 2022.

- Tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được cử tham dự kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng viên chức của địa phương, cơ quan, đơn vị và trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, dự xét.

- Tham mưu chương trình tổ chức triển khai thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính; từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên; xét thăng hạng viên chức hạng II, năm 2022.

- Thông báo triệu tập cán bộ, công chức viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi, kỳ xét thăng hạng và thông báo đến người dự thi, người dự xét về nội dung thi, nội dung xét; các môn thi, hình thức thi, thời gian, địa điểm, khai mạc kỳ thi, tổ chức các ngày thi...

- Giúp Hội đồng thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính, từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên và Hội đồng xét thăng hạng viên chức hạng II năm 2022:

+ Tổng hợp báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy về kết quả thi, kết quả xét thăng hạng.

+ Phối hợp với Hội đồng thi nâng ngạch, Hội đồng xét thăng hạng và các đơn vị liên quan giải quyết khuyết nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức thi, quá trình xét thăng hạng theo quy định.

+ Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương theo quy định sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, của Thường trực Tỉnh ủy về công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên và xét thăng hạng viên chức hạng II.

**3. Văn phòng Tỉnh ủy:** Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu về kinh phí, tổ chức thu phí, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo quy định; chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để tổ chức Kỳ thi nâng ngạch, kỳ xét thăng hạng viên chức; xây dựng các nội dung chi và định mức chi cho công tác thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính, ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên và xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt.

**4.** Các ban của Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng thi nâng ngạch, xét thăng hạng.

*Trên đây là Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng của tỉnh Lâm Đồng. Kính đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, cho ý kiến để Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức thực hiện.*

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (xin ý kiến),
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- UBMTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp,
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh,
- Trường Chính trị tỉnh,
- Báo Lâm Đồng,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC  
ĐĂNG KÝ DỰ THI NÂNG NGẠCH VÀ XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC, NĂM 2022**  
(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 14/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đăng ký dự thi nâng ngạch và xét thăng hạng			Ghi chú
		Chuyên viên chính	Chuyên viên	Xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II	
I	Tổng cộng	107	11	18	
A	KHỐI ĐẢNG	23			
1	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	4			
2	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	2			
3	Ban Dân vận Tỉnh ủy	2			
4	Ban Nội Chính Tỉnh ủy	4			
5	Văn phòng Tỉnh ủy	11			
B	MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH	23			
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1			
2	Liên đoàn Lao động tỉnh	17			
3	Tỉnh đoàn Lâm Đồng	1			
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2			
5	Hội Nông dân tỉnh	2			
C	KHỐI HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TỈNH ỦY	61	11		
1	Huyện ủy Đơn Dương	4	1		
2	Huyện ủy Đam Rông	5	5		
3	Huyện ủy Đức Trọng	4			
4	Huyện ủy Cát Tiên	11	1		
5	Huyện ủy Lâm Hà	1	1		
6	Huyện ủy Đạ Huoai	3	1		
7	Huyện ủy Đạ Tẻh	3			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đăng ký dự thi nâng ngạch và xét thăng hạng			Ghi chú
		Chuyên viên chính	Chuyên viên	Xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II	
8	Huyện ủy Lạc Dương	9			
9	Huyện ủy Bảo Lâm	4	1		
10	Huyện ủy Di Linh	6			
11	Thành ủy Bảo Lộc	7	1		
12	Thành ủy Đà Lạt	3			
13	Đảng ủy Khối Các cơ quan tỉnh	1			
<b>D</b>	<b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG</b>			<b>18</b>	
1	Báo Lâm Đồng			5	
2	Trường Chính trị tỉnh			13	